

Bản án số: **09/ 2017/ HNGĐ-ST.**

Ngày: 07/ 5/ 2017.

*“V/v: **Kiện xin ly hôn,**
yêu cầu giải quyết về con chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh.
2. Ông Nguyễn Văn Thi.

-Thư ký phiên toà: Ông Phan Đình Mão là Thư ký Toà án nhân dân huyện KBang.

Trong ngày 07/ 5/ 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện KBang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/ 2017/ TLST-HNGĐ ngày 24/ 02/ 2017 về tranh chấp: ***“Kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung”*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/ 2017/ QĐST-HNGĐ ngày 03/ 5/ 2017, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983;

-Bị đơn: Anh Lê Danh T sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Chị H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 16/ 01/ 2004, có đăng ký kết hôn (*ĐKKH*) tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh N.

Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H là do vợ chồng không hợp tình tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nhưng anh T không lo làm ăn, tài sản trong nhà anh bán hết để tiêu xài cá nhân, sống thiếu trách nhiệm và bạo lực gia đình nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã khiến cho cuộc sống hôn nhân căng thẳng và không hạnh phúc. Nay chị thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị và anh T được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Chị H và anh T có 03 con chung tên Lê Thùy L, sinh ngày 24/ 9/ 2003; Lê Thúy Q, sinh ngày 08/ 9/ 2009 và Lê Danh T, sinh ngày 05/ 12/ 2012. Sau

khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi cả 03 con chung cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị H và anh T không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh T: Quá trình giải quyết vụ án, anh T không hợp tác làm việc, luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập và không tham gia phiên hòa giải do Tòa án tổ chức. Tại phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày 19/ 5/ 2017, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh T đã vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, anh lại tiếp tục vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn (CNKH) mang tên Lê Danh T-Nguyễn Thị H (*bản chính*); 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Nguyễn Thị Q (*bản sao*); 01 Giấy CMND mang tên Nguyễn Thị H (*bản sao*); 02 Giấy khai sinh mang tên Lê Thúy Q và Lê Danh T (*đều là bản sao*); 01 Quyết định thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính mang tên Lê Thùy L (*bản sao*).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị H và anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh N vào ngày 16/ 01/ 2004; anh chị có 03 con chung là Lê Thùy L, Lê Thúy Q và Lê Danh T. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị H giao nộp là Giấy CNKH mang tên Lê Danh T -Nguyễn Thị H (*bản chính*), 02 Giấy khai sinh mang tên Lê Thúy Q và Lê Danh T (*đều là bản sao*) và Quyết định thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính mang tên Lê Thùy L (*bản sao*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 16/ 01/ 2004, có ĐKKH tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh N nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, giữa anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H là do vợ chồng không hợp tình tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nhưng anh T không lo làm ăn, tài sản trong nhà anh bán hết để tiêu xài cá nhân, sống thiếu trách nhiệm và bạo lực gia đình nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã khiến cho cuộc sống hôn nhân căng thẳng và không hạnh phúc. Về phía anh T đã không hợp tác làm việc, luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập và không tham gia phiên hòa giải do Tòa án tổ chức nên việc đoàn tụ gia đình không thể thực hiện được. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân & Gia đình (HN&GD) năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Chị H và anh T có 03 con chung tên Lê Thùy L, sinh ngày 24/ 9/ 2003; Lê Thúy Q, sinh ngày 08/ 9/ 2009 và Lê Danh T, sinh ngày 05/ 12/ 2012. Sau khi ly hôn, chị H đề nghị được nuôi cả 03 con chung cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét quan điểm của chị H về con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu L và cháu Q; hiện cả 03 cháu L, Q và T đang ở với chị H, trong khi anh T lại chưa có lời khai trình bày quan điểm về con chung nên HĐXX không có cơ sở để xem xét. Do đó, HĐXX thấy cần giao 03 con chung cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động là hợp tình, hợp lý và đúng pháp luật; do chị H không yêu cầu nên anh T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị H và anh T không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

5. Về án phí LH-ST: Chị H phải chịu theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GD năm 2014;

- Căn cứ các Điều 144, 147, 227, 228 và 266 của BLTTDS năm 2015;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Lê Danh T.

2. Về con chung: Giao các cháu Lê Thùy L, sinh ngày 24/ 9/ 2003; Lê Thúy Q, sinh ngày 08/ 9/ 2009 và Lê Danh T, sinh ngày 05/ 12/ 2012 cho chị H trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động; do chị H không yêu cầu nên anh T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí LH-ST: Chị H phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0006940 ngày 24/ 02/ 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KBang, chị Hợi đã nộp đủ án phí LH-ST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Gia Lai;
- VKS KBang;
- THA KBang;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên

CÁC HỘI THẨM ND

THẨM PHÁN-CTPT

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS KBang;
- THA KBang;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên